TAND HUYỆN THIỆU HOÁ
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/02/ 2018.
V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HOÁ, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

-*Thẩm phán - chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Văn Hà

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Dũng Tấn và bà La Thị Sinh.

-*Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Quy, Thư ký Toà án Thiệu Hóa.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 Toà án nhân dân huyện Thiệu Hoá mở phiên tòa tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số:162/2017/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017. về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐST/HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Như D, Sinh năm 1960.
Trú tại: Thôn Đại Đồng, xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Lê Thị T, Sinh năm 1970.
Trú tại: Thôn Đại Đồng, xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn viết ngày 20 tháng 12 năm 2017, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Lê Như D trình bày:

Ông và bà Lê Thị T xây dựng gia đình với nhau trên sự tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20/ 7 /2012 tại UBND xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên cãi lộn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên hai bên đã ly thân nhau từ tháng 9/ 2017 đến nay, mỗi người ở một nơi, cuộc sống của ai người đó tự lo. Xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà T thực sự không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho Ông được ly hôn bà Lê Thị T.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung không đề nghị giải quyết.

Về tài sản: Ông D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Lê Thị T trình bầy:

Bà và ông Lê Như D xây dựng gia đình với nhau trên sự tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20/7/2012 tại UBND xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc từ năm 2012 đến tháng

9 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt trong gia đình, vợ chồng có thể cải thiện được. Xét thấy tình cảm vẫn còn, chưa đến mức phải ly hôn bà T đề nghị toà án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung không đề nghị giải quyết.

Về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án bà T không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, tại phiên tòa bà T đề nghị Tòa án giải quyết công sức bà đã bỏ ra đóng góp tạo dựng kinh tế gia đình trong 5 năm chung sống cùng ông Dung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên toà công khai, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện các chứng cứ, nghe các đương sự trình bầy quan điểm sau cùng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Ông Lê Như D và bà Lê Thị T xây dựng gia đình với nhau trên sự tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20/7/2012 tại UBND xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau, nên hai bên đã ly thân từ tháng 9/2017 đến nay, mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể chung sống với nhau được nữa nên ông D làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Bà lê Thị T đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông D thì thấy: Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, do tính tình không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân nhau, nên buộc Ông phải làm đơn xin ly hôn.

Bà Lê Thị T xin được đoàn tụ, nguyện vọng của bà là hoàn toàn chính đáng, Song vợ chồng mâu thuẫn nhưng bà không tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn để giữ hạnh phúc bỏ mặc ra sống riêng ly thân nhau, điều đó chứng tỏ bà không có trách nhiệm với tổ ấm gia đình, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, như ông lê Như D trình bày là có căn cứ.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà không còn, đời sống chung không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cuộc hôn nhân giữa ông và bà cũng chỉ trên danh nghĩa mà thôi. Do vậy áp dụng Điều 51,56 luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Như D, xử cho ông Lê Như D được ly hôn bà lê Thị T là phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

[3] Về tài sản: Ông D không đề nghị Tòa án gải quyết, Quá trình giải quyết vụ án bà T không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, tại phiên tòa bà T đề nghị

Tòa án giải quyết công sức bà đã bỏ ra đóng góp tạo dựng kinh tế gia đình trong 5 năm chung sống cùng ông D.

Tại phiên tòa bà Lê Thị T với có yêu cầu án giải quyết về phần tài sản, không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét do vậy dành quyền khởi kiên cho bà T khởi kiên về phần tài sản ở vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí: Ông lê Như D phải nạp án phí theo quy định của pháp luật. Từ các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 51,56, luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014, khoản 4 điều 147, Điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đoạn a, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông Lê Như D, Xử cho ông Lê Như D được ly hôn bà Lê Thị T.

Về tài sản: Dành quyền khởi kiên cho bà Lê Thị T khởi kiên về chia tài sản chung của vợ chồng ở vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Ông Lê Như D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, tiền tạm ứng án phí ông Lê Như D đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2014/0001295 ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hoá được trừ vào án phí

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự.Tuyên bố cho các bên đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKS Thiệu Hoá*
- *Các đương sự*
- *UBND xã Thiệu Giao*
- *Thi hành án*
- *Giám đốc án*
- *Lưu hồ sơ*

T/M. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán

Lê văn Hà

TAND HUYỆN THIỆU HOÁ
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/02/ 2018.
V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HOÁ, TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

-*Thẩm phán - chủ toạ phiên toà:* Ông Lê Văn Hà

- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Dũng Tấn và bà La Thị Sinh.

-*Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Quy, Thư ký Toà án Thiệu Hóa.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 Toà án nhân dân huyện Thiệu Hoá mở phiên tòa tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số:162/2017/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017. về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐST/HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Ông Lê Như D, Sinh năm 1960.

Trú tại: Thôn Đại Đồng, xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Lê Thị T, Sinh năm 1970.

Trú tại: Thôn Đại Đồng, xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn viết ngày 20 tháng 12 năm 2017, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Lê Như D trình bày:

Ông và bà Lê Thị T xây dựng gia đình với nhau trên sự tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20/ 7 /2012 tại UBND xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm với nhau, thường xuyên cãi lộn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên hai bên đã ly thân nhau từ tháng 9/ 2017 đến nay, mỗi người ở một nơi, cuộc sống của ai người đó tự lo. Xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà T thực sự không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho Ông được ly hôn bà Lê Thị T.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung không đề nghị giải quyết.

Về tài sản: Ông D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là bà Lê Thị T trình bầy:

Bà và ông Lê Như D xây dựng gia đình với nhau trên sự tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20/7/2012 tại UBND xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc từ năm 2012 đến tháng 9 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nhưng đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt trong gia đình, vợ chồng có thể cải thiện được. Xét thấy tình cảm vẫn còn, chưa đến mức phải ly hôn bà T đề nghị toà án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung không đề nghị giải quyết.

Về tài sản: Quá trình giải quyết vụ án bà T không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, tại phiên tòa bà T đề nghị Tòa án giải quyết công sức bà đã bỏ ra đóng góp tạo dựng kinh tế gia đình trong 5 năm chung sống cùng ông Dung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên toà công khai, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện các chứng cứ, nghe các đương sự trình bầy quan điểm sau cùng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Ông Lê Như D và bà Lê Thị T xây dựng gia đình với nhau trên sự tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 20/7/2012 tại UBND xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau, nên hai bên đã ly thân từ tháng 9/2017 đến nay, mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể chung sống với nhau được nữa nên ông D làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Bà lê Thị T đề nghị Toà án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông D thì thấy: Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, do tính tình không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân nhau, nên buộc Ông phải làm đơn xin ly hôn.

Bà Lê Thị T xin được đoàn tụ, nguyện vọng của bà là hoàn toàn chính đáng, Song vợ chồng mâu thuẫn nhưng bà không tìm biện pháp giải quyết mâu thuẫn để giữ hạnh phúc bỏ mặc ra sống riêng ly thân nhau, điều đó chứng tỏ bà không có trách nhiệm với tổ ấm gia đình, chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, như ông lê Như D trình bày là có căn cứ.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà không còn, đời sống chung không được hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cuộc hôn nhân giữa ông và bà cũng chỉ trên danh nghĩa mà thôi. Do vậy áp dụng Điều 51,56 luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Như D, xử cho ông Lê Như D được ly hôn bà lê Thị T là phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

[3] Về tài sản: Ông D không đề nghị Tòa án gải quyết, Quá trình giải quyết vụ án bà T không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, tại phiên tòa bà T đề nghị Tòa án giải quyết công sức bà đã bỏ ra đóng góp tạo dựng kinh tế gia đình trong 5 năm chung sống cùng ông D.

Tại phiên tòa bà Lê Thị T với có yêu cầu án giải quyết về phần tài sản, không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét do vậy dành quyền khởi kiên cho bà T khởi kiên về phần tài sản ở vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Về án phí: Ông lê Như D phải nạp án phí theo quy định của pháp luật. Từ các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 51,56, luật hôn nhân gia đình Việt Nam năm 2014, khoản 4 điều 147, Điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đoạn a, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông Lê Như D, Xử cho ông Lê Như D được ly hôn bà Lê Thị T.

Về tài sản: Dành quyền khởi kiên cho bà Lê Thị T khởi kiên về chia tài sản chung của vợ chồng ở vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Ông Lê Như D phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, tiền tạm ứng án phí ông Lê Như D đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AA/2014/0001295 ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hoá được trừ vào án phí

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự.Tuyên bố cho các bên đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKS Thiệu Hoá*
- *Các đương sự*
- *UBND xã Thiệu Giao*
- *Thi hành án*
- *Giám đốc án*
- *Lưu hồ sơ*

T/M. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán

Lê văn Hà